

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN ĐỊNH
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **76/2023/HS-ST**

Ngày 24 - 11- 2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN ĐỊNH, TỈNH THANH HÓA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoa.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Văn Hưng.

2. Bà Nguyễn Thị Thúy Hằng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nương - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Định, Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Mỹ Hạnh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 11 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 82/2023/TLST - HS ngày 30 tháng 10 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 76/2023/QĐXXST - HS ngày 10 tháng 11 năm 2023 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Trịnh Văn T**, sinh ngày 04 tháng 5 năm 2003 tại xã Đ, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa. Nơi cư trú: Thôn M, xã Đ, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 09/12; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Trịnh Văn C, sinh năm 1968 và bà: Trịnh Thị X, sinh năm 1969; Gia đình bị cáo có 03 anh chị em, bị cáo là con thứ ba; Vợ là Lê Thị Hương L, sinh năm 2004, có 01 con, sinh năm 2023.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Anh Lê Văn Q, sinh năm 1987 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn T 2, xã Đ, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

- Người làm chứng: Anh Phạm Đức T, sinh năm 2005 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn M, xã Đ, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trịnh Văn T được anh Lê Văn Q (sinh năm 1987, ở thôn T 2, xã Đ, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa) thuê làm nhân viên bán hàng cho cửa hàng mua bán, sửa chữa xe đạp của gia đình. Trong quá trình làm việc, anh Q cho T sử dụng chiếc điện thoại di động màn hình cảm ứng của mình để liên lạc với khách hàng. Vào đầu tháng 7 năm 2023, anh Q cho T biết mật khẩu ứng dụng Ngân hàng Agribank trong điện thoại của anh Q là “123456” để chuyển tiền cho khách nên T nhớ mật khẩu. Lợi dụng việc sơ hở trong quản lý tài sản của anh Q nên T nảy sinh ý định trộm cắp tiền trong tài khoản của anh Q. Từ ngày 24/7/2023 đến ngày 20/8/2023, T đã thực hiện 03 lần trộm cắp như sau:

Lần thứ nhất: Vào ngày 24/7/2023, khi T cùng với anh Q đang đi uống bia tại Thôn T, xã Đ, huyện Yên Định, anh Q đưa điện thoại cho T để nghe điện thoại của khách. Sau khi nói chuyện xong, T nảy sinh ý định trộm cắp tài sản nên đã vào ứng dụng Ngân hàng Agribank trên điện thoại, nhập mật khẩu ứng dụng ngân hàng, sau đó thực hiện thao tác chuyển khoản số tiền 1.000.000đ từ số tài khoản 3512205258081 mở tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn của anh Q đến số tài khoản 100820599999 mở tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Quân đội của anh Phạm Đức T (sinh năm 2005, ở thôn M, xã Đ, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa). Chuyển xong T xóa giao dịch vừa thực hiện rồi trả điện thoại lại cho anh T. Sau đó, T gọi điện thoại cho anh Thiện nhờ anh Thiện chuyển số tiền 800.000đ từ số tài khoản của anh Thiện sang số tài khoản 0353626135 mở tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Quân đội của T. Số tiền 200.000đ còn lại trong tài khoản của Thiện, T nhờ Thiện mua đồ cá nhân cho T. Số tiền trên T đã dùng để trả nợ và chi tiêu cá nhân hết.

Lần thứ hai: Vào ngày 16/8/2023, khi T và anh Q đang đi uống bia, anh Q đưa điện thoại cho T cầm để nghe điện thoại và liên hệ với khách hàng, lợi dụng lúc anh Q không để ý, T vào ứng dụng Ngân hàng trong điện thoại của anh Q, thực hiện thao tác chuyển khoản số tiền 3.000.000đ từ số tài khoản của anh Q sang số tài khoản của anh Thiện rồi dùng điện thoại của anh Thiện (mà T đã mượn từ trước) chuyển toàn bộ số tiền trên đến số tài khoản của T. Số tiền trên T đã sử dụng để trả nợ và chi tiêu cá nhân hết.

Lần thứ ba: Vào ngày 20/8/2023, khi T và anh Q đang cùng đi trên xe ô tô, thấy anh Q say rượu, điện thoại để ở hộp số xe ô tô nên T tiếp tục lấy điện thoại của anh Q, thực hiện thao tác chuyển khoản số tiền 12.000.000đ vào số tài khoản của anh Thiện. Sau đó dùng điện thoại đã mượn từ trước của anh Thiện chuyển số tiền 11.700.000đ từ số tài khoản của anh Thiện sang số tài khoản của T. Số tiền còn lại trong tài khoản của anh Thiện, anh Thiện đã rút tiền đưa lại cho T. Số tiền trên T đã sử dụng để trả nợ và chi tiêu cá nhân hết (BL 71-86).

Đến ngày 24/8/2023, sau khi phát hiện việc bị mất tiền trong tài khoản, anh Q đã đến Công an huyện Yên Định tố giác hành vi trộm cắp tài sản của Trịnh Văn T như đã nêu trên (BL số 01).

Quá trình điều tra, Trịnh Văn T đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên. Lời khai nhận tội của T phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án. Đủ căn cứ xác định Trịnh Văn T đã thực hiện 02 lần trộm cắp tài sản vào các ngày 16/8/2023 và ngày 20/8/2023 với tổng số tiền là 15.000.000đ.

Về vật chứng vụ án: Quá trình giải quyết vụ án, Trịnh Văn T đã tự nguyện giao nộp 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Redmi Note 8 Pro, màn hình cảm ứng, màu đen là công cụ T dùng để thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Hiện vật chứng trên đang được bảo quản, chờ xử lý theo quy định.

Về trách nhiệm dân sự: Trịnh Văn T đã trả lại toàn bộ số tiền trộm cắp cho anh Q, anh Q đã nhận tiền đầy đủ và không yêu cầu gì thêm.

Tại bản cáo trạng số 83/CT-VKSÝĐ ngày 30/10/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Định đã truy tố Trịnh Văn T về tội “Trộm cắp tài sản” theo Khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa: Bị cáo Trịnh Văn T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản cáo trạng đã truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Định luận tội giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Trịnh Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Khoản 1 Điều 173, Điểm g Khoản 1 Điều 52, Điểm b, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật hình sự; Đề nghị xử phạt bị cáo Trịnh Văn T từ 12 tháng đến 15 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án; Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo; Về xử lý vật chứng: Áp dụng Khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự, Khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 chiếc điện thoại Redmi Note 8 Pro, màn hình cảm ứng, màu đen, hiện đang bảo quản tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa; Về trách nhiệm dân sự: Không xem xét; Về án phí: Thực hiện theo quy định của pháp luật.

Trong phần tranh luận: Bị cáo Trịnh Văn T đồng ý với quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát và không có tranh luận gì thêm. Bị cáo nói lời sau cùng, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Định, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Về tội danh:

Tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo Trịnh Văn T đã hoàn toàn thừa nhận: Vào ngày 16/8/2023 và ngày 20/8/2023, lợi dụng sơ hở trong việc quản lý tài sản nên Trịnh Văn T đã có hành vi lấy điện thoại của anh Lê Văn Q ở Thôn T 2, xã Đ, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa vào ứng dụng Ngân hàng Agribank trong điện thoại chuyển số tiền lần lượt là 3.000.000đ và 12.000.000đ sang số tài khoản của anh Phạm Đức T. Sau đó, chuyển số tiền đến tài khoản của bản thân T để trả nợ và chi tiêu cá nhân hết. Như vậy, tổng số tiền mà Trịnh Văn T trộm cắp của anh Q là 15.000.000đ.

Lời khai nhận của bị cáo Trịnh Văn T tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Hành vi trộm cắp tài sản của Trịnh Văn T đã phạm tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại Khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015. Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Định truy tố bị cáo T theo tội danh trên, đề nghị HĐXX áp dụng điều luật là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội:

Đây là vụ án trộm cắp tài sản có tính chất ít nghiêm trọng. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, mọi hành vi xâm phạm bất hợp pháp đến tài sản của người khác đều bị xử lý nghiêm. Tuy nhiên, do cần tiền sử dụng vào mục đích cá nhân nên bị cáo đã bất chấp pháp luật, dẫn đến việc phạm tội. Vì vậy, cần thiết phải xử lý nghiêm để giáo dục, phòng ngừa chung.

[4] Xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Trịnh Văn T có 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “phạm tội hai lần trở lên” được quy định tại Điểm g Khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo Trịnh Văn T thành khẩn khai báo, tự nguyện bồi thường khắc phục hậu quả; bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại Điểm b, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo khi lượng hình.

Căn cứ vào tính chất của vụ án, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy: Bị cáo T có nhân thân tốt, nơi cư trú rõ ràng và có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Nhưng bị cáo

phạm tội có 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “phạm tội 02 lần trở lên” nên cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để giáo dục, cải tạo bị cáo thành công dân tốt.

Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có tài sản riêng, gia đình thuộc hộ cận nghèo nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5] Đối với hành vi trộm cắp tài sản của Trịnh Văn T với số tiền là 1.000.000đ trong tài khoản của anh Lê Văn Q vào ngày 24/7/2023 chưa đủ định lượng cấu thành tội Trộm cắp tài sản nên Cơ quan cảnh sát điều tra đã chuyển hồ sơ đến Công an huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa xử phạt vi phạm hành chính là đúng quy định của pháp luật.

Đối với Phạm Đức T, không biết T sử dụng điện thoại và tài khoản Ngân hàng của mình để thực hiện trộm cắp tài sản nên không phải là đồng phạm trong vụ án là phù hợp.

[6] Về xử lý vật chứng: Quá trình điều tra, cơ quan điều tra đã thu giữ 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Redmi Note 8 Pro, màn hình cảm ứng, màu đen là công cụ T dùng để thực hiện hành vi trộm cắp tài sản nên tịch thu sung quỹ Nhà nước là phù hợp.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Anh Q đã nhận lại tài sản đầy đủ và không có yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí: Bị cáo thuộc hộ cận nghèo, có đơn xin miễn tiền án phí nên miễn tiền án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo là phù hợp.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 173, Điểm g Khoản 1 Điều 52, Điểm b, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51, Điều 38, Khoản 1 Điều 42 Bộ luật hình sự; Khoản 2 Điều 106, Khoản 2 Điều 136, Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự; Điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh:

Tuyên bố: Bị cáo Trịnh Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Về hình phạt:

Xử phạt: Bị cáo Trịnh Văn T 12 (Mười hai) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

3. Về xử lý vật chứng: Tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi Note 8 Pro, màn hình cảm ứng, màu đen của Trịnh Văn T đựng

trong một phong bì do Công an huyện Yên Định phát hành được dán kín niêm phong bởi các chữ ký ghi rõ họ tên Đồng Thị Hoa, Lê Xuân Sơn, Lê Văn Đức và Trịnh Văn T theo phiếu nhập kho số NK13 ngày 07 tháng 11 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

4. Về án phí: Miễn tiền án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo T.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Yên Định;
- Công an huyện Yên Định;
- Chi cục THADS huyện Yên Định;
- Bị cáo, bị hại;
- Lưu: hồ sơ, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hoa